

Số: 1814/2022/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Thư ký phiên họp: Bà Hà Hoa Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị M Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 217/2021/DSST ngày 18/5/2021 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 5067/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11037/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11520/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà LTM, sinh năm 1948;
2. Ông LVT, sinh năm 1949; cùng địa chỉ: 122NTT, P.ML, Q.NP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông VLS, sinh năm 1953;
2. Ông VLT, sinh năm 1955;
3. Ông VVT, sinh năm 1959; cùng địa chỉ: 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Ông VTD, sinh năm 1978;
5. Ông VGH, sinh năm 1981;
6. Ông VGL, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của ông D,H,L: Ông VLT; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 005997, quyền số 07/2022-TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng Công chứng Vũ Thị Vân Anh chứng nhận ngày 09/7/2022).

7. Bà VTNHh (HV), sinh năm 1960; địa chỉ: 518GST, DP, IA, U.

8. Bà VNGK, sinh năm 2000; địa chỉ: 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện đang học tập tại ĐL;

Người đại diện hợp pháp: Ông VLT; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 050-8 quyền số 01/2022-SCT/CK được Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực ngày 08/08/2022).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 29/4/2021 và quá trình giải quyết việc dân sự, người cầu giải quyết việc dân sự - bà LTM và ông LVT (do bà LTM là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Theo bản án số 1355/2018/DS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án số 394/2019/DS-PT ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì các ông VVT, VLT và VLS có nghĩa vụ liên đới trả cho ông LVT và bà LTM số tiền 2.330.000.000 đồng; ông VVT có nghĩa vụ trả cho ông LVT và bà LTM số tiền 400.000.000 đồng.

Theo quyết định số 108/QĐ-CCTHADS ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh thì các ông S, T và TG có nghĩa vụ trả cho ông T và bà M số tiền 2.330.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả; ông T có nghĩa vụ trả cho ông T và bà M số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên, đến nay các ông S, T và TG vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Nay, ông T và bà M có đơn yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của các ông VLS, VLT, VVT trong khối tài sản là căn nhà đất tại địa chỉ 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: các ông VLS, VLT và VVT trình bày: Căn nhà và đất tại địa chỉ 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của những người có tên sau: các ông (bà) VVT, VLT, VLS, VTNHh, VTD, VGH, VGL và bà NTTCH (chết năm 2005). Bà NTTCH có chồng và các con gồm ông VLT (chồng), ông VTD (con), VGH (con), VGL (con) và VNGK (con). Đối với yêu cầu của ông T và bà M, các ông không có ý kiến gì nhưng đề nghị ông T, bà M cho các ông thêm thời gian để tự bán nhà và trả tiền theo Quyết định thi hành án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: các ông bà VTD, VGH, VGL và VNGK do ông VLT đại diện theo ủy quyền trình bày: Đối với yêu cầu của ông T và bà M, các con của ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà VTNHH đã được ủy thác tư pháp nhưng không có lời khai về yêu cầu của ông T và bà M.

5. Tại phiên họp sơ thẩm:

- Người yêu cầu: bà LTM và ông LVT (do bà M là người đại diện theo ủy

quyền) trình bày: vẫn giữ yêu cầu theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 29/4/2021.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông VVT, VLT và VLS trình bày: vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết việc dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Qua kiểm sát việc giải quyết việc dân sự nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên họp, đề nghị Thẩm phán giải quyết việc dân sự sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông LVT và bà LTM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông LVT và bà LTM là người được thi hành án theo bản án dân sự sơ thẩm số 1355/2018/DS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, bản án dân sự phúc thẩm số 394/2019/DS-PT ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định số 108/QĐ-CCTHADS ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/11/2020, Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo cho các ông (bà) VLS, VLT, VVT, VTNNH, VTD, VGH, VGL và các đồng thừa kế của bà NTTCH (chết năm 2005) về việc sẽ tiến hành kê biên, xử lý tài sản của các ông VLS, VLT và VVT trong khối tài sản chung là nhà đất tại số 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đã quá thời hạn thông báo nhưng các ông T, Sơn và Tài không khởi kiện về chia tài sản chung. Do đó, ông T và bà M đã yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án là các ông VLS, VLT và VVT trong khối tài sản chung để thi hành án. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 7, Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự 2014; khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông T và bà M có quyền yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của các ông S, T và TG trong khối tài sản chung; đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư trú ở nước ngoài nên căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa

án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết việc dân sự theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà VTNNH (HV) đang cư trú tại HK, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp đối với bà H, Đại sứ quán Việt Nam tại HK đã tiến hành niêm yết các thông báo thụ lý và thông báo mở phiên họp theo quy định nhưng bà H không có ý kiến đối với yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về nội dung:

[3.1.] Căn cứ bản án dân sự sơ thẩm số 1355/2018/DS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án dân sự phúc thẩm số 394/2019/DS-PT ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì các ông VLS, VLT và VVT có nghĩa vụ liên đới trả cho ông LVT và bà LTM số tiền 2.330.000.000 đồng; ông VVT có nghĩa vụ trả cho ông LVT và bà LTM số tiền 400.000.000 đồng. Theo quyết định số 108/QĐ-CCTHADS ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh thì các ông S, T và TG có nghĩa vụ trả cho ông T và bà M số tiền 2.330.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả; ông T có nghĩa vụ trả cho ông T và bà M số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên, các ông S, T và TG vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã có hiệu lực pháp luật nêu trên.

Sau khi xác minh điều kiện thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định các ông S, T và TG đang sở hữu và sử dụng đối với tài sản là nhà đất tại số 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên họp giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là bà M và ông Tr (do bà M đại diện theo ủy quyền) xác định ông T, Ti và S chưa hoàn trả toàn bộ số tiền nêu trên cũng như lãi suất phát sinh.

[3.2] Tại bản án hành chính sơ thẩm số 245/2020/HC-ST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hành chính phúc thẩm số 413/2020/HC-PT ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định nguồn gốc nhà đất tại số 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Năm 1993, bà Lê Thị Lâu được Nhà nước giao căn nhà trên để sử dụng làm nhà ở theo Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 03/6/1993. Năm 1995, Phòng Quản lý đô thị quận Phú Nhuận ký kết hợp đồng cho thuê căn nhà trên với bà Lâu và các thành viên trong gia đình gồm: Ông VLS (con), ông VLT (con), ông VVT (con), bà NTTCH (dâu), bà VTNNH (cháu), ông VTD (cháu), VGH (cháu) và VGL (cháu). Năm 1996, bà L chết. Năm 1998, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận đồng ý bán căn nhà trên cho ông VVT (đại diện) theo Nghị định 61/CP ngày 05/7/1997 của Chính phủ.

Theo văn bản số 1563/CNPN-HC ngày 03/12/2021 của Văn phòng Đăng ký

Đất đai Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận Phú Nhuận cung cấp thông tin thì: Căn nhà số 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của các ông bà VLS, VLT, VVT, VTD, VGH, VGL, VTNNHh và NTTCH (đã chết năm 2005) theo Giấy chứng nhận số 222/2007/QĐ-UB-GCN ngày 02/5/2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp cho ông VVT và được cập nhật thay đổi chủ sở hữu vào ngày 20/7/2017.

Trong số đồng sở hữu có bà NTTCH chết năm 2005, không để lại di chúc và chưa chia tài sản của bà NTTCH để lại; Ông VLT (chồng của bà NTTCH) cùng các con là VTD, VGH, VGL, VNGK xác định cha mẹ của bà NTTCH đã chết trước bà NTTCH; ngoài chồng và các con nêu trên bà NTTCH không có con nuôi, con riêng nào khác. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của bà NTTCH được xác định gồm chồng và các con của bà NTTCH, cụ thể như sau: ông VLT (chồng), VTD (con), VGH (con), VGL (con) và VNGK (con).

[3.3] Trong quá trình giải quyết việc dân sự những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu và cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh về công sức đóng góp để tạo lập tài sản chung đã nêu trên nên Tòa án xác định các đồng sở hữu có quyền và nghĩa vụ ngang như nhau đối với khối tài sản chung là phù hợp với Điều 212 của Bộ luật Dân sự. Riêng bà NTTCH đã chết nên phát sinh thừa kế tài sản cho các đồng thừa kế gồm: ông VLT, ông VTD, ông VGH, ông VGL và bà VNGK. Ngoài ra, khi nhận được thông báo của cơ quan thi hành án thì các ông bà cũng không khởi kiện vụ án dân sự về chia tài sản chung. Do đó, Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông LVT và bà LTM về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án.

Từ các phân tích trên xác định nhà đất tại địa chỉ 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của các ông bà: VLS, VLT, VVT, VTNNHh, VTD, VGH, VGL, NTTCH (chết năm 2005 – không để lại di chúc và có những người thừa kế tài sản sau: Ông VLT, VTD, VGH, VGL và VNGK). Phần quyền sở hữu và quyền sử dụng tài sản của ông VLS được xác định là 5/40, của ông VVT là 5/40, của ông VLT là 5/40 + 1/40 (phần ông Tài được quyền hưởng di sản của bà NTTCH để lại) = 6/40 trị giá tài sản là quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với nhà và đất tại địa chỉ 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: do người yêu cầu là ông LVT và bà LTM chịu nhưng ông T, bà M được miễn lệ phí do thuộc trường hợp người cao tuổi và đã có đơn xin miễn lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 361, 372, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 623, 650 và 651 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 7 và Điều 74 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông LVT và bà LTM về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án đối với các ông VVT, VLT và VLS trong khối tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xác định ông VVT và VLS mỗi người được sở hữu 5/40, ông VLT được sở hữu 6/40 giá trị nhà đất tại số 47HVB, P.MB, Q.PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông LVT và bà LTM được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Bà VTNNHh (HV) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày quyết định được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (18).

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thị Quỳnh Anh